

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đối với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Văn phòng UBND tỉnh công khai toàn bộ nội dung Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Hành chính công tỉnh, công bố nội dung tại cuộc họp gần nhất của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Bộ Nội vụ;
- TT, TU; HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LDVP;
- Lưu: VT, KSTT.

(110a)

4

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng

**CHỈ SỐ CÁC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ BAN, NGÀNH TỈNH
VÀ UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2022**

(kèm theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CƠ QUAN	Điểm tối đa	Điểm thăm định	Tỷ lệ đạt	Xếp loại
I	Các sở, ban, ngành tỉnh				
1	Văn phòng UBND tỉnh	69	68,50	99,28%	Tốt
2	Thanh tra tỉnh	69	66,50	96,38%	Tốt
3	Sở Tài chính	98	91,41	93,28%	Tốt
4	Sở Thông tin và Truyền thông	100	93,07	93,07%	Tốt
	Sở Giao thông vận tải	100	93,07	93,07%	Tốt
5	Sở Xây dựng	100	92,51	92,51%	Tốt
6	Sở Khoa học và Công nghệ	100	92,42	92,42%	Tốt
7	Sở Công Thương	100	92,13	92,13%	Tốt
8	Sở Nội vụ	98	90,17	92,01%	Tốt
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	98	89,94	91,78%	Tốt
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	91,35	91,35%	Tốt
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100	90,99	90,99%	Tốt
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	98	88,02	89,82%	Tốt
13	Sở Tư pháp	100	89,47	89,47%	Tốt
14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	100	86,10	86,10%	Tốt
15	Sở Ngoại vụ	69	59,00	85,51%	Tốt
16	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	100	85,22	85,22%	Tốt
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	77,17	77,17%	Khá
18	Sở Y Tế	100	55,27	55,27%	Kém
II	UBND huyện, thị xã, thành phố				
1	UBND thị xã Hòa Thành	98,5	91,68	93,08%	Tốt
2	UBND thành phố Tây Ninh	98,5	88,27	89,61%	Tốt
	UBND huyện Gò Dầu	98,5	88,27	89,61%	Tốt
3	UBND thị xã Trảng Bàng	98,5	87,89	89,22%	Tốt
4	UBND huyện Tân Châu	98,5	87,69	89,02%	Tốt
5	UBND huyện Tân Biên	98,5	87,01	88,34%	Tốt
6	UBND huyện Bến Cầu	98,5	84,91	86,20%	Tốt
7	UBND huyện Dương Minh Châu	98,5	83,57	84,84%	Tốt
8	UBND huyện Châu Thành	98,5	75,39	76,54%	Khá